

**PHỤ LỤC I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM**  
**THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Quyết định số       /QĐ-UBND ngày        tháng        năm        của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH: 04 TTHC**

| TT | Tên thủ tục                                                                                               | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện                                                                                                  | Cách thức thực hiện                                                 | Phí, Lệ phí (đồng) | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                       |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|--------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| I  | <b>Lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm: 04 TTHC</b>                                                           |                     |                                                                                                                     |                                                                     |                    |                                                                                                                                                                                      |
| 1  | Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp<br>Mã TTHC: 3.000179                        | 4 ngày làm việc     | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La | Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích | Không              | - Điều 25 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;<br>- Khoản 1, điểm a khoản 4 Điều 8 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường |
| 2  | Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp do bị mất, bị hỏng<br>Mã TTHC: 3.000180 | 3 ngày làm việc     | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La | Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích | Không              | - Điều 25 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;<br>- Khoản 2, điểm b khoản 4 Điều 8 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường |

|   |                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                     |                                                                     |       |                                                                                      |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| 3 | Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức<br>Mã TTHC: 1.000055                | 15 ngày làm việc                                                                                                                                                                                 | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La | Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích | Không | Điều 13 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường |
| 4 | Phê duyệt nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế<br>Mã TTHC: 1.007916 | *Trường hợp UBND cấp tỉnh bố trí đất để trồng rừng thay thế trên địa bàn: 15 ngày<br>*Trường hợp địa phương không bố trí được đất để trồng rừng thay thế trên địa bàn, gồm:<br>- Chủ dự án không | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La | Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích | Không | Điều 22 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường |

|  |  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |  |  |  |  |
|--|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|
|  |  | <p>             đề nghị<br/>             nộp ngay<br/>             số tiền<br/>             trồng rừng<br/>             thay thế<br/>             theo đơn<br/>             giá trồng<br/>             rừng của<br/>             UBND<br/>             cấp tỉnh<br/>             nơi đề<br/>             nghị nộp<br/>             tiền: 40<br/>             ngày;<br/>             - Chủ dự<br/>             án đề nghị<br/>             nộp ngay<br/>             số tiền<br/>             trồng rừng<br/>             thay thế<br/>             theo đơn<br/>             giá trồng<br/>             rừng của<br/>             UBND<br/>             cấp tỉnh<br/>             nơi đề<br/>             nghị nộp<br/>             tiền, cụ<br/>             thể:<br/>             Trường<br/>             hợp số<br/>             tiền chủ           </p> |  |  |  |  |
|--|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|

|  |  |                                                                                                                                                                                                                                              |  |  |  |  |
|--|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|
|  |  | dự án đã<br>nộp theo<br>đơn giá<br>trồng rừng<br>của<br>UBND<br>cấp tỉnh<br>nơi đề<br>nghị nộp<br>tiền thấp<br>hơn/cao<br>hơn số<br>tiền phải<br>nộp theo<br>đơn giá<br>trồng rừng<br>của tỉnh<br>nơi tiếp<br>nhận trồng<br>rừng: 26<br>ngày |  |  |  |  |
|--|--|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--|--|

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ: 03 TTHC**

| <b>TT</b> | <b>Tên thủ tục hành chính</b>                                                                                                                                                                                                                            | <b>Thời hạn giải quyết</b> | <b>Địa điểm thực hiện Cách thức thực hiện</b>                                                 | <b>Cách thức thực hiện</b>                                          | <b>Phí, lệ phí (đồng)</b> | <b>Căn cứ pháp lý</b>                                                                                                                                                          |
|-----------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1         | Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân<br>Mã TTHC: 1.012694                                                                                                                                                          | 09 ngày                    | Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã                     | Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích | Không                     | - Khoản 5 Điều 13 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;<br>- Điều 5 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường           |
| 2         | Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái:<br>Mã TTHC: 3.000250 | 11 ngày                    | Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Phòng chức năng tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã | Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích | Không                     | Khoản 4 Điều 13 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường                                                                                   |
| 3         | Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công:<br>Mã TTHC: 1.007919                                                                                            | 09 ngày                    | Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả Phòng chức năng tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công cấp xã | Tiếp nhận trực tiếp, trực tuyến hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích | Không                     | - Khoản 6 Điều 13 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;<br>- Điều 9 Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường |

**PHỤ LỤC II**  
**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM**  
**THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Quyết định số           /QĐ-UBND ngày            tháng            năm            của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**A. QUY TRÌNH LIÊN THÔNG UBND TỈNH: 07 QUY TRÌNH**

**1. Tên TTHC: Cấp Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp**

b) Thời gian giải quyết TTHC : 4 ngày.

d) Quy trình:

| TT | Trình tự thực hiện               | Trách nhiệm thực hiện                                              | Sản phẩm thực hiện                                   | Thời gian thực hiện |
|----|----------------------------------|--------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------|
| B1 | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ      | Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm HCC tỉnh | Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ           | 1/4 ngày            |
| B2 | Phòng Sử dụng và Phát triển rừng | Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR                                      | Ý kiến phân công                                     | 1/4 ngày            |
|    |                                  | Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và Phát triển rừng         | Dự thảo Báo cáo, Tờ trình, Quyết định cấp giấy phép. | 01 ngày             |
|    |                                  | Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR                                      | Ý kiến xét duyệt                                     | 1/4 ngày            |
| B3 | Xem xét và phê duyệt             | Lãnh đạo Chi cục                                                   | Ý kiến xét duyệt                                     | 1/4 ngày            |

| TT                              | Trình tự thực hiện                                                                                                | Trách nhiệm thực hiện                                                                  | Sản phẩm thực hiện                                        | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|---------------------|
| B4                              | Ký duyệt hồ sơ                                                                                                    | Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và MT                                                          | Ý kiến phê duyệt                                          | 1/4 ngày            |
| B5                              | Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh                                                                        | Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh | Đính kèm HS liên thông ( <i>scan</i> )                    | 1/4 ngày            |
| B6                              | Liên thông UBND tỉnh giải quyết ( <i>Xem xét và phê duyệt</i> )                                                   |                                                                                        |                                                           | 1 ngày              |
| B7                              | Văn thư Văn phòng UBND tỉnh đóng dấu, phát hành chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh |                                                                                        |                                                           | 1/4 ngày            |
| B8                              | Trả kết quả                                                                                                       | Bộ phận TN&TKQ Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh                                  | Đính kèm kết quả ( <i>scan Quyết định cấp giấy phép</i> ) | 1/4 ngày            |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                                                                                                                   |                                                                                        |                                                           | <b>4 ngày</b>       |

**2. Tên TTHC: Cấp lại Giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu giống cây trồng lâm nghiệp do bị mất, bị hỏng**

b) Thời gian giải quyết TTHC : 3 ngày làm việc

d) Quy trình:

| TT | Trình tự thực hiện          | Trách nhiệm thực hiện                                              | Sản phẩm thực hiện                         | Thời gian thực hiện |
|----|-----------------------------|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------|
| B1 | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ | Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm HCC tỉnh | Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ | 1/8 ngày            |

| TT                              | Trình tự thực hiện                                                                                                | Trách nhiệm thực hiện                                                                  | Sản phẩm thực hiện                                        | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|---------------------|
| B2                              | Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR                                                                                     | Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR                                                          | Ý kiến phân công                                          | 1/8 ngày            |
|                                 |                                                                                                                   | Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và Phát triển rừng                             | Dự thảo Báo cáo, Tờ trình, Quyết định cấp giấy phép.      | 01 ngày             |
|                                 |                                                                                                                   | Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR                                                          | Ý kiến xét duyệt                                          | 1/8 ngày            |
| B6                              | Xem xét và phê duyệt                                                                                              | Lãnh đạo Chi cục                                                                       | Ý kiến xét duyệt                                          | 1/8 ngày            |
| B7                              | Ký duyệt hồ sơ                                                                                                    | Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và MT                                                          | Ý kiến phê duyệt                                          | 1/4 ngày            |
| B9                              | Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh                                                                        | Bộ phận TN&TKQ Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh | Đính kèm HS liên thông ( <i>scan</i> )                    | 1/4 ngày            |
| B10                             | Liên thông UBND tỉnh giải quyết ( <i>Xem xét và phê duyệt</i> )                                                   |                                                                                        |                                                           | 0,75 ngày           |
|                                 | Văn thư Văn phòng UBND tỉnh đóng dấu, phát hành chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh |                                                                                        |                                                           | 1/8 ngày            |
| B11                             | Trả kết quả                                                                                                       | Bộ phận TN&TKQ Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh                                  | Đính kèm kết quả ( <i>scan Quyết định cấp giấy phép</i> ) | 1/8 ngày            |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                                                                                                                   |                                                                                        |                                                           | <b>03 ngày</b>      |

**3. Tên TTHC: Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức**

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 15 ngày
- Trình tự thực hiện:

| TT | Trình tự thực hiện                                                                           | Trách nhiệm thực hiện                             | Sản phẩm thực hiện                                                               | Thời gian thực hiện |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| B1 | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ                                                                  | Bộ phận TN&TKQ<br>Sở NN&MT tại Trung tâm HCC tỉnh | Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ                                       | 1/4 ngày            |
| B2 | Phòng Sử dụng và Phát triển rừng                                                             | Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR                     | Ý kiến phân công                                                                 | 1/4 ngày            |
|    |                                                                                              | Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR    | Dự thảo Văn bản ( <i>Tờ trình, Báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định</i> )     | 09 ngày             |
|    |                                                                                              | Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR                     | Ý kiến xét duyệt                                                                 | 1/2 ngày            |
| B6 | Xem xét và phê duyệt                                                                         | Lãnh đạo Chi cục                                  | Ý kiến xét duyệt                                                                 | 1/4 ngày            |
| B7 | Ký duyệt hồ sơ                                                                               | Lãnh đạo Sở                                       | Phê duyệt Tờ trình và dự thảo Quyết định. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành | 01 ngày             |
| B9 | Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh                                                   | Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm PVHCC tỉnh  | Đính kèm HS liên thông (scan)                                                    | 1/4 ngày            |
|    | Liên thông UBND tỉnh                                                                         |                                                   |                                                                                  | 03 ngày             |
|    | Văn thư Văn phòng UBND tỉnh đóng dấu, phát hành chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ |                                                   |                                                                                  | ½ ngày              |

|                                 |                                           |                                        |            |                |
|---------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------------|------------|----------------|
|                                 | hành chính công tỉnh                      |                                        |            |                |
| B10                             | Tiếp nhận hồ sơ liên thông và trả kết quả | Bộ phận TN&TKQ<br>Trung tâm PVHCC tỉnh | Quyết định | 1/4 ngày       |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                                           |                                        |            | <b>15 ngày</b> |

**4. Tên TTHC: Phê duyệt nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế**

**4.1. Trường hợp UBND cấp tỉnh bố trí đất để trồng rừng thay thế trên địa bàn**

- Thời gian giải quyết theo quy định của pháp luật: 15 ngày

- Trình tự thực hiện:

| TT | Trình tự thực hiện               | Trách nhiệm thực hiện                             | Sản phẩm thực hiện                                                                                                          | Thời gian thực hiện |
|----|----------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| B1 | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ      | Bộ phận TN&TKQ<br>Sở NN&MT tại Trung tâm HCC tỉnh | Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ                                                                                  | 1/8 ngày            |
| B2 | Phòng Sử dụng và Phát triển rừng | Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR                     | Ý kiến phân công                                                                                                            | 1/8 ngày            |
|    |                                  | Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR    | Dự thảo Văn bản ( <i>Tờ trình của Sở Nông nghiệp và MT và dự thảo Văn bản thông báo chấp thuận nộp tiền của UBND tỉnh</i> ) | 3 ngày              |
|    |                                  | Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR                     | Ý kiến xét duyệt                                                                                                            | 1/8 ngày            |
| B4 | Xem xét và phê duyệt             | Lãnh đạo Chi cục                                  | Ý kiến xét duyệt                                                                                                            | 1/8 ngày            |

|                                 |                                                                                                                   |                                                  |                                                                             |                |
|---------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|----------------|
| B5                              | Ký duyệt hồ sơ                                                                                                    | Lãnh đạo Sở                                      | Ý kiến phê duyệt                                                            | 1/8 ngày       |
| B6                              | Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh                                                                        | Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm PVHCC tỉnh | Đính kèm HS liên thông (scan)                                               | 1/8 ngày       |
| B7                              | Liên thông UBND tỉnh                                                                                              |                                                  |                                                                             | 01 ngày        |
|                                 | Văn thư Văn phòng UBND tỉnh đóng dấu, phát hành chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh |                                                  |                                                                             | 1/8 ngày       |
| B8                              | Trả kết quả                                                                                                       | Bộ phận TN&TKQ Trung tâm PVHCC tỉnh              | Đính kèm kết quả ( <i>scan Văn bản của UBND tỉnh</i> )                      | 1/8 ngày       |
| B9                              | Nộp tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh                                           | Chủ dự án                                        | Nộp đủ số tiền theo văn bản thông báo của UBND cấp tỉnh                     | 7 ngày         |
| B10                             | Thông báo việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế                                                            | Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh           | Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh thông báo bằng Văn bản cho chủ dự án | 3 ngày         |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                                                                                                                   |                                                  |                                                                             | <b>15 ngày</b> |

#### 4.2. Trường hợp địa phương không bố trí được đất để trồng rừng thay thế trên địa bàn

a) Trường hợp chủ dự án không đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền

- Thời gian thực tế giải quyết: 40 ngày
- Trình tự thực hiện:

| TT  | Trình tự thực hiện                                                                                                                                | Trách nhiệm thực hiện                             | Sản phẩm thực hiện                                                                                                                                        | Thời gian thực hiện |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| B1  | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ                                                                                                                       | Bộ phận TN&TKQ<br>Sở NN&MT tại Trung tâm HCC tỉnh | Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ                                                                                                                | 1/8 ngày            |
| B2  | Phòng Sử dụng và Phát triển rừng                                                                                                                  | Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR                     | Ý kiến phân công                                                                                                                                          | 1/8 ngày            |
|     |                                                                                                                                                   | Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR    | Dự thảo Văn bản ( <i>Tờ trình của Sở Nông nghiệp và MT và dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh gửi BNN&amp;MT</i> )                                             | 3,5 ngày            |
|     |                                                                                                                                                   | Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR                     | Ý kiến xét duyệt                                                                                                                                          | 1/8 ngày            |
| B6  | Xem xét và phê duyệt                                                                                                                              | Lãnh đạo Chi cục                                  | Ý kiến xét duyệt                                                                                                                                          | 1/8 ngày            |
| B7  | Ký duyệt hồ sơ                                                                                                                                    | Lãnh đạo Sở                                       | Phê duyệt Tờ trình và dự thảo Quyết định. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành                                                                          | 01 ngày             |
| B9  | Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh                                                                                                        | Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm PVHCC tỉnh  | Đính kèm HS liên thông (scan)                                                                                                                             | 1/8 ngày            |
| B10 | Chuyển hồ sơ đề nghị Bộ Nông nghiệp và MT chấp thuận nộp tiền TRTT về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam để tổ chức trồng rừng thay thế ở địa | UBND tỉnh                                         | Tờ trình đề nghị Bộ Nông nghiệp và MT chấp thuận nộp tiền TRTT về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam để tổ chức trồng rừng thay thế ở địa phương khác | 01 ngày             |

|     |                                                                                                                                                  |                                                        |                                                                                 |        |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------|--------|
|     | phương khác                                                                                                                                      |                                                        |                                                                                 |        |
| B11 | Đề nghị UBND cấp tỉnh nơi tiếp nhận TRTT cung cấp thông tin về địa điểm, đơn giá TRTT trên địa bàn tỉnh tại thời điểm chủ dự án đề nghị nộp tiền | Bộ Nông nghiệp và MT                                   | Văn bản của Bộ Nông nghiệp và MT                                                | 5 ngày |
| B12 | Xác nhận về việc bố trí địa điểm trồng rừng thay thế và đơn giá trồng rừng thay thế                                                              | UBND tỉnh nơi tiếp nhận TRTT                           | Văn bản của UBND cấp tỉnh nơi tiếp nhận nguồn kinh phí trồng rừng thay thế      | 8 ngày |
| B13 | Thông báo đến UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền về thời gian và số tiền chủ dự án phải nộp để trồng rừng thay thế                               | Bộ Nông nghiệp và MT                                   | Văn bản của Bộ Nông nghiệp và MT                                                | 3 ngày |
| B14 | Thông báo đến Chủ dự án về thời gian và số tiền chủ dự án phải nộp để trồng rừng thay thế                                                        | UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền trồng rừng thay thế | Văn bản của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền trồng rừng thay thế              | 3 ngày |
| B15 | Nộp tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ                                                  | Chủ dự án                                              | Nộp đủ số tiền theo văn bản thông báo của UBND cấp tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ | 8 ngày |

|                                 |                                                                                                                                                   |                                                                |                                                                                                                                                                                                                                  |                |
|---------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| B16                             | Chuyển số tiền chủ dự án đã nộp về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam và thông báo việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế đến chủ dự án | Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ | Chuyển đủ số tiền do Chủ dự án đã nộp về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam; Văn bản của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ thông báo việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế của chủ dự án | 3 ngày         |
| B17                             | Điều chuyển tiền về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi được lựa chọn trồng rừng thay thế                                                  | Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam                         | Kinh phí trồng rừng thay thế được chuyển về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi được lựa chọn trồng rừng thay thế                                                                                                         | 5 ngày         |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                                                                                                                                                   |                                                                |                                                                                                                                                                                                                                  | <b>40 ngày</b> |

**b) Trường hợp chủ dự án đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền**

**\* Trường hợp số tiền chủ dự án đã nộp theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền thấp hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế**

- Thời gian thực tế giải quyết: 26 ngày

- Trình tự thực hiện:

| <b>TT</b> | <b>Trình tự thực hiện</b>   | <b>Trách nhiệm thực hiện</b>                      | <b>Sản phẩm thực hiện</b>                  | <b>Thời gian thực hiện</b> |
|-----------|-----------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------|----------------------------|
| B1        | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ | Bộ phận TN&TKQ<br>Sở NN&MT tại Trung tâm HCC tỉnh | Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ | 1/8 ngày                   |

|     |                                                                                                                   |                                                  |                                                                                                                    |            |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| B2  | Lãnh đạo Phòng Sử dụng và Phát triển rừng                                                                         | Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR                    | Ý kiến phân công                                                                                                   | 1/8 ngày   |
|     |                                                                                                                   | Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR   | Dự thảo Văn bản ( <i>Tờ trình của Sở Nông nghiệp và MT và dự thảo Văn bản thông báo chấp thuận của UBND tỉnh</i> ) | 2,875 ngày |
|     |                                                                                                                   | Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR                    | Ý kiến xét duyệt                                                                                                   | 1/8 ngày   |
| B3  | Xem xét và phê duyệt                                                                                              | Lãnh đạo Chi cục                                 | Ý kiến xét duyệt                                                                                                   | 1/8 ngày   |
| B4  | Ký duyệt hồ sơ                                                                                                    | Lãnh đạo Sở                                      | Ý kiến phê duyệt                                                                                                   | 1/8 ngày   |
| B5  | Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh                                                                        | Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm PVHCC tỉnh | Đính kèm HS liên thông (scan)                                                                                      | 1/8 ngày   |
| B6  | Liên thông UBND tỉnh                                                                                              |                                                  |                                                                                                                    | 1 ngày     |
| B7  | Văn thư Văn phòng UBND tỉnh đóng dấu, phát hành chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh |                                                  |                                                                                                                    | 1/8 ngày   |
| B8  | Trả kết quả                                                                                                       | Bộ phận TN&TKQ Trung tâm PVHCC tỉnh              | Đính kèm kết quả ( <i>scan QĐ phê duyệt</i> )                                                                      | 1/8 ngày   |
| B9  | Nộp tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh                                           | Chủ dự án                                        | Nộp đủ số tiền theo văn bản thông báo của UBND cấp tỉnh                                                            | 8 ngày     |
| B10 | Thông báo việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế                                                            | Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh           | Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh thông báo bằng Văn bản cho chủ dự án                                        | 3 ngày     |

|                                 |                                                                                        |                                                   |                                                                                                                                |                |
|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|
| B11                             | Thông báo về số tiền chênh lệch đơn giá trồng rừng thay thế                            | UBND cấp tỉnh nơi đề nghị chủ dự án nộp tiền TRTT | Thông báo bằng văn bản của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị chủ dự án nộp tiền TRTT về số tiền chênh lệch đơn giá trồng rừng thay thế | 3 ngày         |
| B12                             | Nộp bổ sung số tiền chênh lệch so với đơn giá đơn giá TRTT của tỉnh nơi tiếp nhận TRTT | Chủ dự án                                         | Nộp đủ số tiền theo văn bản thông báo của UBND cấp tỉnh                                                                        | 7 ngày         |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                                                                                        |                                                   |                                                                                                                                | <b>26 ngày</b> |

**\* Trường hợp số tiền chủ dự án đã nộp theo đơn giá trồng rừng của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền cao hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế**

- Thời gian thực tế giải quyết: 26 ngày
- Trình tự thực hiện:

| TT | Trình tự thực hiện               | Trách nhiệm thực hiện                             | Sản phẩm thực hiện                                                                                               | Thời gian thực hiện |
|----|----------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|
| B1 | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ      | Bộ phận TN&TKQ<br>Sở NN&MT tại Trung tâm HCC tỉnh | Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ                                                                       | 1/8 ngày            |
| B2 | Phòng Sử dụng và Phát triển rừng | Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR                     | Ý kiến phân công                                                                                                 | 1/8 ngày            |
|    |                                  | Chuyên viên/Kiểm lâm viên Phòng Sử dụng và PTR    | Dự thảo Văn bản <i>(Tờ trình của Sở Nông nghiệp và MT và dự thảo Văn bản thông báo chấp thuận của UBND tỉnh)</i> | 2,875 ngày          |

|     |                                                                                                                   |                                                   |                                                                                                                                |          |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
|     |                                                                                                                   | Lãnh đạo Phòng Sử dụng và PTR                     | Ý kiến xét duyệt                                                                                                               | 1/8 ngày |
| B3  | Xem xét và phê duyệt                                                                                              | Lãnh đạo Chi cục                                  | Ý kiến xét duyệt                                                                                                               | 1/8 ngày |
| B4  | Ký duyệt hồ sơ                                                                                                    | Lãnh đạo Sở                                       | Phê duyệt Tờ trình và dự thảo Quyết định. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành                                               | 1/8 ngày |
| B5  | Tiếp nhận, chuyển liên thông lên UBND tỉnh                                                                        | Bộ phận TN&TKQ Sở NN&MT tại Trung tâm PVHCC tỉnh  | Đính kèm HS liên thông (scan)                                                                                                  | 1/8 ngày |
| B6  | Liên thông UBND tỉnh                                                                                              |                                                   |                                                                                                                                | 1,0 ngày |
| B7  | Văn thư Văn phòng UBND tỉnh đóng dấu, phát hành chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh |                                                   |                                                                                                                                | 1/8 ngày |
| B8  | Trả kết quả                                                                                                       | Bộ phận TN&TKQ Trung tâm PVHCC tỉnh               | Đính kèm kết quả ( <i>scan QĐ phê duyệt</i> )                                                                                  | 1/8 ngày |
| B9  | Nộp tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh                                           | Chủ dự án                                         | Nộp đủ số tiền theo văn bản thông báo của UBND cấp tỉnh                                                                        | 8 ngày   |
| B10 | Thông báo việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế                                                            | Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh            | Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh thông báo bằng Văn bản cho chủ dự án                                                    | 3 ngày   |
| B11 | Thông báo về số tiền chênh lệch đơn giá trồng rừng thay thế                                                       | UBND cấp tỉnh nơi đề nghị chủ dự án nộp tiền TRTT | Thông báo bằng văn bản của UBND cấp tỉnh nơi đề nghị chủ dự án nộp tiền TRTT về số tiền chênh lệch đơn giá trồng rừng thay thế | 3 ngày   |

|                                 |                                                                |                                                      |                                                                   |                |
|---------------------------------|----------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|----------------|
| B12                             | Hoàn trả kinh phí chênh lệch bao gồm cả tiền lãi cho chủ dự án | Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi nộp hồ sơ | Hoàn trả đủ kinh phí chênh lệch bao gồm cả tiền lãi cho chủ dự án | 7 ngày         |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                                                                |                                                      |                                                                   | <b>26 ngày</b> |

## II. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN CỦA UBND CẤP XÃ : 03

### 1. Tên TTHC: Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 09 ngày
- Trình tự thực hiện:

| TT                              | Trình tự thực hiện          | Trách nhiệm thực hiện                                                                             | Sản phẩm thực hiện                         | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|---------------------|
| B1                              | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ | Bộ phận TN&TKQ<br>Phòng chức năng cấp xã                                                          | Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ | 1/4 ngày            |
| B2                              | Phòng Kinh tế               | Lãnh đạo Phòng Kinh tế                                                                            | Ý kiến phân công                           | 1/4 ngày            |
|                                 |                             | Chuyên viên Phòng Kinh tế                                                                         | Dự thảo Quyết định                         | 7 ngày              |
|                                 |                             | Lãnh đạo Phòng Kinh tế                                                                            | Ý kiến xét duyệt                           | 1/2 ngày            |
| B3                              | Ký duyệt hồ sơ              | Chủ tịch UBND cấp xã                                                                              | Ý kiến phê duyệt                           | 1/2 ngày            |
| B4                              | Đóng dấu phát hành          | Văn thư đóng dấu và phát hành chuyển cho Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã | Văn bản phát hành ( <i>Quyết định</i> )    | 1/4 ngày            |
| B5                              | Trả kết quả                 | Bộ phận TN&TKQ<br>Phòng chức năng cấp xã                                                          | Quyết định                                 | 1/4 ngày            |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                             |                                                                                                   |                                            | <b>9 ngày</b>       |

**2. Tên TTHC: Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái**

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 11 ngày
- Trình tự thực hiện:

| TT                              | Trình tự thực hiện          | Trách nhiệm thực hiện                                                                             | Sản phẩm thực hiện                                               | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|---------------------|
| B1                              | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ | Bộ phận TN&TK cấp xã                                                                              | Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ                       | 1/2 ngày            |
| B2                              | Phòng Kinh tế               | Lãnh đạo Phòng Kinh tế                                                                            | Ý kiến phân công                                                 | 1/2 ngày            |
|                                 |                             | Chuyên viên                                                                                       | Kiểm tra, xem xét tính hợp lệ của hồ sơ; Lấy ý kiến về phương án | 08 ngày             |
|                                 |                             | Lãnh đạo Phòng chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường                                            | Ý kiến trình phê duyệt                                           | 1/4 ngày            |
| B3                              | Chuyển lãnh đạo UBND cấp xã | Lãnh đạo UBND cấp xã                                                                              | Ý kiến phê duyệt đối với phương án                               | 01 ngày             |
| B4                              | Đóng dấu phát hành          | Văn thư đóng dấu và phát hành chuyển cho Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã | Văn bản phát hành                                                |                     |
| B5                              | Trả kết quả                 | Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã                                                           | Quyết định phê duyệt phương án                                   | ¼ ngày              |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                             |                                                                                                   |                                                                  | <b>11 ngày</b>      |

**3. Tên TTHC: Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư.**

- Thời gian thực tế giải quyết, sau khi cắt giảm thời gian: 9 ngày

- Trình tự thực hiện:

| TT                              | Trình tự thực hiện          | Trách nhiệm thực hiện                                                                             | Sản phẩm thực hiện                            | Thời gian thực hiện |
|---------------------------------|-----------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|---------------------|
| B1                              | Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ | Bộ phận TN&TKQ<br>Trung tâm phục vụ HCC cấp xã                                                    | Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ    | 1/2 ngày            |
| B2                              | Phòng Kinh tế               | Lãnh đạo Phòng chức năng cấp xã                                                                   | Ý kiến phân công                              | 1/2 ngày            |
|                                 |                             | Chuyên viên Phòng chức năng cấp xã                                                                | Dự thảo Báo cáo thẩm định                     | 06 ngày             |
|                                 |                             | Lãnh đạo Phòng chức năng cấp xã                                                                   | Ý kiến xét duyệt                              | 1 ngày              |
| B3                              | Ký duyệt hồ sơ              | Chủ tịch UBND cấp xã                                                                              | Ý kiến phê duyệt                              | 1/2 ngày            |
| B4                              | Đóng dấu phát hành          | Văn thư đóng dấu và phát hành chuyển cho Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công xã | Báo cáo thẩm định                             | 1/4 ngày            |
| B5                              | Trả kết quả                 | Bộ phận TN&TKQ<br>Phòng chức năng cấp xã                                                          | Đính kèm kết quả ( <i>Báo cáo thẩm định</i> ) | 1/4 ngày            |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                             |                                                                                                   |                                               | <b>09 ngày</b>      |